

Số: 939 /BVNTTW

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Nội tiết Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để Mua sắm Công cụ, dụng cụ y tế lần 1 năm 2026, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nội tiết Trung ương. Địa chỉ: Đường Nguyễn Bô - Phường Yên Sở - TP.Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Phạm Thị Phương, Chuyên viên phòng VTTBYT;

Số điện thoại: 0984704354;

Email: vtby.t.bvnttw@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng A403 - Phòng Vật tư thiết bị y tế, Bệnh viện Nội tiết Trung ương. Đường Nguyễn Bô - phường Yên Sở - TP.Hà Nội.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

Từ 8 giờ 00 phút ngày 23/06/2026 đến 15 giờ 00 phút ngày 06/07/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 06/07/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa:

(Danh mục hàng hóa chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Nội tiết Trung ương.

Địa chỉ: Trụ sở: Đường Nguyễn Bô - phường Yên Sở - TP.Hà Nội.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.



4. Yêu cầu về hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Báo giá (Theo mẫu tại Phụ lục 02 đính kèm.)
- Catalog, hợp đồng tương tự (nếu có), tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật hàng hóa và các tài liệu liên quan.

Rất mong được sự hợp tác của Quý vị.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VTTBYT.


GIÁM ĐỐC
Phan Hoàng Hiệp


BỆNH VIỆN
NỘI TIẾT
TRUNG ƯƠNG

PHỤ LỤC 01: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Yêu cầu bảo giá số 89/BVN/TTW ngày 25 tháng 06 năm 2026)

STT	Tên dụng cụ	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Mũ kèm kính bảo hộ	Chiếc	15	Chất liệu: ABS – PC hoặc tương đương - Chứng nhận: CE EN166, ANSI Z87.1 hoặc tương đương - Kính chống khói bụi để bảo vệ mắt và mặt. Có thể di chuyển lên xuống. - Kết hợp nút bịt tai có thể tháo rời, tiện lợi. - Mũ bảo hộ kết hợp kính còn có khả năng bảo vệ mắt khỏi các tác nhân gây hại.
2	Bàn đập dao mổ điện	Cái	12	Bàn đập dao mổ điện tương thích với Model: ESU-X300NT, hãng sản xuất Geister
3	Bao cuộn đo huyết áp dành cho máy huyết áp để bàn	Cái	2	Bao đo huyết áp người lớn. Dài rộng bao đo: 22 - 32 cm. Áp lực tối đa 360 mmHg Tương thích máy đo huyết áp để bàn HBP9020 - OMRON - JAPAN
4	Bao cuộn đo huyết áp người lớn dùng cho huyết áp bóp tay	Cái	10	Đồng hồ có vạch chia từ 20 ~300mmHg, Độ chính xác ± 3mmHg. Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá. Vòng bít làm bằng chất liệu vải
5	Bao cuộn đo huyết áp người lớn dùng cho máy đo huyết áp HEM - OMRON	Cái	8	Bao đo huyết áp người lớn. Dài rộng bao đo: 22 - 32 cm. Áp lực tối đa ≥ 350 mmHg Tương thích máy đo huyết áp HEM - OMRON
6	Bao cuộn đo huyết áp người lớn dùng cho máy đo huyết áp ADP-W5ALP K2 JAPAN	Cái	5	Tương thích máy đo huyết áp ADP-W5ALP K2 JAPAN
7	Bao cuộn đo huyết áp người lớn dùng cho máy đo huyết áp Microlife	Cái	12	Tương thích máy đo huyết áp hãng Microlife
8	Bao đo huyết áp dùng cho Holter huyết áp	Cái	15	Bao đo huyết áp người lớn. Dài rộng bao đo: 24 -32cm. Áp lực tối đa ≥ 350mmHg, chiều dài ống dẫn khí: 70-75 cm. Tương thích với máy Holter huyết áp ABPM 7100, Welch Allyn, Đức
9	Bao đo máy ABI hãng Omron	Bộ	2	Hãng chính hãng Omron đồng bộ với máy Loại bao đo: Vòng bít cuộn tay và chân Phương pháp đo: Dao động kế (Oscillometric). Ứng dụng: Kết nối máy BP-203RPEIII, đo huyết áp tâm thu, huyết áp tâm trương, ABI, PWV. Đặc điểm: Tương thích với hệ thống máy tự động, không xâm lấn.
10	Bát kén	Cái	153	Hộp kim inox hoặc tương đương. Dùng các dụng dịch y tế như dung dịch sát trùng, cồn y tế... cỡ 6,8,10 cm

11	Bình làm ấm oxy gắn tường	Bộ	50	Bình làm ấm oxy kết nối với hệ thống oxy trung tâm. Phần thân làm bằng kim loại và bình nhựa không vỡ Áp suất tiêu chuẩn $\geq 3.5\text{kg/cm}^2$ Phạm vi điều chỉnh lưu lượng: 0-15 lít/phút Kèm giắc cắm nhanh tương thích các chuẩn: DIN, AFNOR...
12	Bình làm ấm oxy gắn với bình oxy 10 lít	Cái	14	Bình làm ấm oxy gắn với bình oxy 10 lít Áp lực đầu vào: $\geq 15\text{ Mpa}$. Áp lực đầu ra: 0,2-0,3 Mpa Lưu lượng: 1-10 L / min ,1-15L / phút Nhiệt độ tối đa $\geq 120^\circ\text{C}$. áp suất $\geq 0.142\text{MPa}$
13	Bình tia nhựa vòi cong	Chiếc	6	Dạng chai với nắp vặn, phần nắp có vòi cong ra cho đường nước dạng tia thẳng Nắp vặn xoay chặt chẽ, kín, không gây rò rỉ, nắp và vòi phun dính liền nhau. Có vạch chia trên thân bình tia, giá trị chia độ là 50ml, thang chia vạch từ 50ml đến 500ml. Thể tích: $\geq 500\text{ml}$ Chất liệu: PE hoặc tương đương
14	Bình xịt còn loại 500ml	Lọ	92	Dung tích $\geq 500\text{ml}$, Chất liệu: HDPE hoặc tương đương, Đường kính miệng: 25-28mm, Đường kính thân: 68-70mm, Chiều cao: 240-250 mm. Có 2 kiểu xịt: Dạng phun sương và dạng tia. Công dụng: dùng để xịt còn sát trùng trong y tế.....
15	Bộ đèn đặt nội khí quản (số 3)	Bộ	11	Bộ đèn nội khí quản kèm 3 lưới, chất liệu inox hoặc tương đương Bóng đèn được thiết kế dễ dàng tháo lắp ở đầu lưới. Có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ $\geq 130^\circ\text{C}$ trong vòng 5 phút. Lưới được thiết kế tối tân để dàng đặt ống nội khí quản và quan sát tốt. Cấu hình 01 bộ bao gồm: - 01 Lưới cong số 1 - 01 Lưới cong số 2 - 01 Lưới cong số 3 - 01 Lưới cong số 4 - 01 Cán pin - 01 Hộp đựng
16	Bộ đèn NKQ số 4	Cái	6	Bộ hẹn giờ tự động tắt mở lắp cho đèn UV + Có chế độ hẹn giờ tắt bất cho đèn cực tím UV + Được đầu nối đường dây điện thành hệ thống và 1 công tắc điều khiển điện chung + Điện áp 220V AC - 50/60Hz Bao gồm công lắp đặt tại bệnh viện
17	Bộ hẹn giờ cho đèn cực tím	Bộ	8	Bộ hẹn giờ tự động tắt mở lắp cho đèn UV + Có chế độ hẹn giờ tắt bất cho đèn cực tím UV + Được đầu nối đường dây điện thành hệ thống và 1 công tắc điều khiển điện chung + Điện áp 220V AC - 50/60Hz Bao gồm công lắp đặt tại bệnh viện

18	Bộ hút dịch âm tường (dùng cho hệ thống hút trung tâm) kèm dây hút	Bộ	7	Bộ hút dịch âm tường kết nối với hệ thống hút trung tâm Bình chứa dịch có phao chống tràn. Chất liệu nhựa PP hoặc tương đương. có thể khử trùng ở nhiệt độ ≥ 120 độ C. Thể tích bình ≥ 2000 ml. Phạm vi điều chỉnh lưu lượng hút 0-30 L/phút Bao gồm cả đầu cảm nhanh chuẩn Pháp (Afnor - Standard)
19	Bộ tự thở nửa hồ dùng nhiều lần có van điều chỉnh oxy	Bộ	9	- Dây nối oxy silicon chiều dài 2.0m - Mask thở silicon số 2 - Khớp nối silicon dài 20 cm - Bóng silicon loại có đui dẫn khí oxy các cỡ khác nhau bao gồm 500ml, 1000ml, 1.500 ml - Cút thẳng ID22mm/9-10mm - Dầu nối oxy nhiều lần - Van điều khiển oxy 0-60 cmH2O
20	Đèn cực tím hai bóng	Cái	16	Loại 1 ống máng gồm 2 bóng đèn cực tím dài 1200 mm ($\pm 5\%$) Có ống máng Inox kèm theo Điện áp 220V AC - 50/60Hz Bao gồm công lắp đặt tại Bệnh viện
21	Bóng đèn cực tím	Cái	53	Đèn trong suốt, hình ống. Chiều dài 120 mm, công suất 36-40w.
22	Bóng gây mê silicone dùng nhiều lần loại 2300 ml	Cái	20	Bóng gây mê silicone dùng nhiều lần loại 2300 ml, dùng kèm bộ tự thở nửa hồ dùng nhiều lần, có van điều chỉnh oxy
23	Buồng đệm té bào máu ngoài vi (Khi thực hiện thủ công nhãn hiệu) Neubauer	Bộ gồm: Buồng đệm và 2 Lam kính)	5	Buồng đệm trang bị lưới đệm đôi: - Kính phủ có độ dày 0.4 mm. - Kính che máy đo té bào máu kích thước 20 x 26 mm ($\pm 5\%$) - Lưới đệm được cấu trúc thành hai bề mặt mài và đánh bóng trên bề trung tâm. Buồng đệm có vạch sáng có lưới đệm được cấu trúc thành lớp phủ kim loại trong suốt, rất mỏng.
24	Cân dao mổ các số	Cái	40	Chất liệu : Thép không gỉ hoặc tương đương - Cân dao mổ số 3,4 - Cân số 3: Dùng cho lưới dao số 10, 11,12,15 - Cân số 4: Dùng cho lưới dao số 20,21,22,23,24 Hấp được ở nhiệt độ ≥ 130 độ C
25	Cân sức khỏe kèm thước đo chiều cao	Cái	3	Tải trọng tối đa: ≥ 120 kg Phạm vi đo chiều cao: 70 - 190cm Kích thước bàn cân: 28 x 38 cm ($\pm 5\%$) Cân điện tử hoặc tương đương

26	Cáp điện tim 6 cân hãng Nihon kohden (dung cho máy điện tim ECG -1250K Nihon Kohden)	Bộ	6	Hàng chính hãng Nihon kohden đồng bộ với máy Model: BJ-961ID Xuất xứ: Nhật Bản Loại cáp: Cáp điện tim 10 nhánh. Kết nối máy: Jack nối DB-15 chân. Tiêu chuẩn: Chuẩn AHA/IEC Chức năng: Tương thích với bộ lọc nhiễu cao tần và bộ lọc nhiễu cơ của máy ECG-1250K. Chất liệu: Vỏ nhựa TPU y tế cao cấp, chịu lực tốt, dễ vệ sinh, chống gãy gấp. Điện cực đi kèm: Điện cực chi (4 cái) và điện cực ngược (6 cái) dạng hút và kẹp.
27	Cốc chứa chất thải bỏ (dung trong tủ an toàn sinh học)	Chiếc	15	Chất liệu: PE hoặc thủy tinh Dung tích: $\geq 500\text{ml}$
28	Cốc thủy tinh có mỏ chia vạch 50ml	Chiếc	100	Cốc thủy tinh trong suốt, có mỏ, có chia vạch, dung tích 50ml
29	Cryo box	Hộp	50	Làm bằng polypropylene hoặc tương đương, kháng cồn và dung môi hữu cơ nhẹ về mặt hóa học - Kích thước: 141x154x55 (mm) ($\pm 5\%$)
30	Cửa dây (dây cửa xương)	Cái	40	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương, dài 40 - 50 cm
31	Dây máy thở dùng cho máy thở CONVIDIEN Puritan Bennett 980	Cái	3	-04 Dây silicone, dài ≥ 60 cm -02 Bẫy nước dùng nhiều lần -01 Co nối chữ Y -02 Co nối chữ Q22 -01 Bộ co nối thẳng cho toàn hệ thống -01 catheter mount -01 Dây áp lực Dây máy thở tương thích Máy thở CONVIDIEN Puritan Bennett 980
32	Dây máy thở dùng cho máy thở NEWPORT e360	Cái	1	-04 Dây silicone, dài ≥ 60 cm -02 Bẫy nước dùng nhiều lần -01 Co nối chữ Y -02 Co nối chữ Q22 -01 Bộ co nối thẳng cho toàn hệ thống -01 catheter mount -01 Dây áp lực Dây máy thở tương thích Máy thở NEWPORT e360
33	Dây silicon dùng cho máy hút dịch áp lực thấp	Bộ	2	Dây Silicon dùng cho máy hút dịch áp lực thấp tương thích máy hút dịch Model: Constant-1400, Hãng SX: Shin-Ei Industries/ Sanko Manufacturing
34	Dây Silicon dùng cho máy hút dịch Model: D-6000. Hãng BLUE CROSS	Cái	7	Dây Silicon dùng cho máy hút dịch tương thích máy hút dịch Model: D-6000. Hãng BLUE CROSS

35	Dây Silicon dùng cho máy hút dịch Model: Dominant 50. Hãng Medela-Thụy sỹ	Cái	2	Dây Silicon dùng cho máy hút dịch tương thích máy hút dịch Model: Dominant 50. Hãng Medela-Thụy sỹ
36	Dây Silicon dùng cho máy hút dịch Model: Victoria Thorax. Hãng CHEIRON	Cái	1	Dây Silicon dùng cho máy hút dịch tương thích máy hút dịch Model: Victoria Thorax. Hãng CHEIRON
37	Đệm (đệm giường bệnh nhân)	Cái	143	- KT tổng thể (mm): D1880 x R880 x C50 ±5% - Đệm bao gồm 2 khúc tương ứng với mặt giường bệnh nhân inox, được may viền chắc chắn, dày ≥50mm - Vật liệu: mút bọc vải giả da không thấm nước hoặc tương đương, chịu được các hóa chất tẩy rửa thông thường. Bao gồm: - Roley trung gian (01 cái) - Đẻ roley (01 cái) - Bộ công tắc nguồn (01 cái) - Tủ điện 20x30 (01 cái) - Dây điện nguồn (40 m) - Ổng gen điện (04 cây) - Phụ kiện vít, nơ, bóng điện (01 bộ) - 1 đèn cảnh báo (01 cái) - adaptor DC 24 V (01 cái) - 1 công tắc hành trình (01 cái) (Bao gồm chỉ phí lắp đặt tại Bệnh viện)
38	Đèn cảnh báo lắp tại phòng pha liệu thuốc phóng xạ (Đèn cảnh báo phóng xạ)	Cái	2	Bảng đeo đầu không dây điều chỉnh được, sử dụng đèn led, pin sạc AAA. - Nguồn điện 220-240V - Công suất bóng đèn 8-10W; - Độ chiếu sáng ≥ 12.000 Lux; - Kích thước: 120 cm x 30 cm x 28 cm (± 5%); - Chiều cao cơ động nâng hạ : từ 90cm - 160 cm; - Có tay nắm chỉnh điều khiển kéo xa gần, tùy chỉnh
39	Đèn Clar Khảm TMM	Cái	1	Chất liệu: thủy tinh trong suốt hoặc tương đương - Khu trưng hấp hoặc sấy ở nhiệt độ ≥ 160 độ C. - Kích thước: 90 x 15mm (± 5%)
40	Đèn tiêu phẫu	Cái	1	Đèn đồng hồ đo áp lực bóng chèn khí quản Mặt đồng hồ đo Ø ≥ 50 mm, có móc treo
41	Đĩa Petri thủy tinh	Cặp	10	Đèn đồng hồ đo áp lực bóng chèn khí quản Mặt đồng hồ đo Ø ≥ 50 mm, có móc treo
42	Đồng hồ đo áp lực bóng chèn	Cái	2	Đèn đồng hồ đo áp lực bóng chèn khí quản Mặt đồng hồ đo Ø ≥ 50 mm, có móc treo
43	Dụng cụ cắt, đốt trong mô tiên liệt tuyến dùng cho máy nối soi (Vòng cắt cao tần, hình vòng)	Cái	30	Vòng cắt cao tần đơn cực có chiều dài 28 cm ± 1 cm, hình vòng, sử dụng với vỏ đặt ống soi cắt 24/26 Fr. Đường kính dây điện cực đầu xa 0.3 mm ± 0.05 mm
44	Giá Inox cầm ống đựng nước tiêu	Cái	10	Chất liệu Inox hoặc tương đương, có ≥ 100 lỗ cầm ống đựng nước tiêu

45	Giá khay nhựa đựng ống falcon ghép được nhiều thể tích	Chiếc	15	Giá nhựa để ống Falcon (ống ly tâm) 10ml, 15ml, 50ml thí nghiệm. Giá thiết kế chắc chắn giữ ống thẳng đứng. Nắp có nhiệt độ làm việc từ ≤ -190 đến ≥ 120 độ C Chất liệu: nhựa PP hoặc tương đương
46	Giá từ	Cái	1	Giá đỡ cho ống 0,5-2ml để tách các hạt từ ra khỏi chất lỏng
47	Hộp đựng bộ dụng cụ	Chiếc	5	Làm từ chất liệu inox hoặc tương đương - Kích thước: 23 x 11 x 5cm ($\pm 5\%$) Đặc điểm: dày, chất lượng cao, không gỉ, đảm bảo độ bền cao và khả năng chống lại sự ăn mòn từ các hóa chất khử trùng trong y tế.
48	Hộp đựng bông cồn ϕ 7	Cái	80	Chất liệu Inox hoặc tương đương. đường kính ≥ 7 cm. có nắp
49	Hộp đựng dụng cụ 10 x 20cm	Cái	28	Chất liệu: Inox hoặc tương đương Kích thước tổng thể: (D200xR100xC50) $\pm 5\%$
50	Hộp đựng dụng cụ hấp sấy vô khuẩn	Cái	2	Chất liệu: Inox hoặc tương đương, tròn, cao 20-22cm, đường kính 30 - 35 cm
51	Hộp đựng mẫu bệnh phẩm (7.2 lít)	Cái	40	Hộp chất liệu nhựa hoặc tương đương, có nắp và quai xách. Dung tích $\geq 7,2$ lít
52	Huyết áp điện tử	Cái	40	Công nghệ Intellisense, lưu ≥ 30 lần đo, chỉ dẫn quản vòng bít, báo lỗi cử động người, báo huyết áp cao & nhịp tim bất thường. Dùng bộ sạc Adapter
53	Kéo cong đầu tù 16cm	Cái	10	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, cong, đầu tù, dài 16 cm ($\pm 5\%$)
54	Kéo cong không máu 16 cm	Cái	6	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, cong, không máu, dài 16 cm
55	Kéo cong, nhọn 10cm	Cái	50	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, cong, đầu nhọn, dài 10 cm ($\pm 5\%$)
56	Kéo cong, nhọn 16 cm	Cái	74	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, cong, đầu nhọn, dài 16 cm ($\pm 5\%$)
57	Kéo cong, tù 17 cm	Cái	23	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, cong, đầu tù, dài 17 cm ($\pm 5\%$)
58	Kéo thẳng nhọn 10 cm	Cái	25	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, đầu nhọn, dài 10 cm ($\pm 5\%$)
59	Kéo thẳng nhọn 12cm	Cái	40	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, đầu nhọn, dài 12 cm ($\pm 5\%$)
60	Kéo thẳng nhọn 14 cm	Cái	82	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, đầu nhọn, dài 14 cm ($\pm 5\%$)
61	Kéo thẳng nhọn 16 cm	Cái	45	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, đầu nhọn, dài 16 cm ($\pm 5\%$)

62	Kéo thẳng nhọn 18 cm	Cái	80	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, đầu nhọn, dài 18 cm ($\pm 5\%$)
63	Kéo thẳng, đầu tròn 20cm	Cái	45	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, đầu tròn, dài 20 cm ($\pm 5\%$)
64	Kéo thẳng, đầu tù 16cm	Cái	67	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, đầu tù, dài 16 cm ($\pm 5\%$)
65	Kéo thẳng, đầu tù 18 cm	Cái	5	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, đầu tù, dài 18 cm ($\pm 5\%$)
66	Kéo thẳng, đầu tù 20 cm	Cái	20	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, đầu tù, dài 20 cm ($\pm 5\%$)
67	Kẹp clip mạch máu Hemo clock (hoặc tương đương) loại dùng 1 lần	Cái	112	- Clip kẹp mạch máu polymer Hemolok các cỡ, không tiêu, không dẫn điện, không ảnh hưởng đến CT, MRI hoặc X-ray - Cơ chế khóa đầu clip an toàn với vấu tròn ngấm hàm, gấp mở linh hoạt, gai dọc thân clip chống trượt khi tiếp xúc với mạch máu. - Cơ chế kẹp lạnh, không toả nhiệt, không gây hại các mô xung quanh. + Cỡ M chiều rộng clip 7.8mm, độ dày clip 2.10mm, kẹp mạch từ 2mm - 7mm. + Cỡ ML chiều rộng clip 10.3mm, độ dày clip 1.96mm, kẹp mạch từ 3-10mm. + Cỡ L chiều rộng clip 14.63mm, độ dày clip 2.49mm, kẹp mạch từ 5mm - 13mm. + Cỡ XL chiều rộng clip 18.03mm, độ dày clip 2.49mm, kẹp mạch máu từ 7mm - 16mm.
68	Kẹp cổ tử cung	Cái	44	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, kích thước 24-25 cm.
69	Kẹp gấp lọ	Cái	3	Loại kẹp thẳng, đầu dạng răng cưa, 01 khóa, chiều dài ≥ 240 mm, sử dụng cho phòng hotlab
70	Kẹp kim khâu	Cái	10	Chất liệu: Inox hoặc tương đương Kích thước: 14cm, 16cm, 18cm, 20cm Dùng kẹp kim trong quá trình khâu da y tế
71	Kẹp phẫu tích có máu 14 cm	Cái	30	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, có máu, dài 14 cm ($\pm 5\%$)
72	Kẹp phẫu tích không máu 14 cm	Cái	48	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, không máu, dài 14 cm ($\pm 5\%$)
73	Kẹp phẫu tích không máu 16 cm	Cái	34	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, không máu, dài 16 cm ($\pm 5\%$)
74	Khay đựng nhỏ	Cái	10	Chất liệu: thép không gỉ, được sử dụng trong y tế, kích thước: 27 x 20 x 4,8 cm ($\pm 5\%$)
75	Khay đựng to	Cái	15	Chất liệu: thép không gỉ, được sử dụng trong y tế, kích thước: 32 x 22 x 4,8 cm ($\pm 5\%$)

76	Khay Inox 20 x 30cm	Cái	49	Chất liệu inox hoặc tương đương, kích thước 20cm x 30cm ± 5 %
77	Khay inox 30 x 40 cm	Cái	94	Chất liệu inox hoặc tương đương, kích thước 30cm x 40cm ± 5 %
78	Khay quả đậu nông	Cái	8	Dung tích: ≥ 300ml Vật liệu: Làm bằng inox hoặc tương đương
79	Kim bấm móng loại nhỏ	Cái	3	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương Kích thước: 130mm x 60mm (± 5 %) Lưỡi kim sắc, có thể cắt được móng cứng
80	Kim kẹp kim	Cái	10	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y tế, kích thước: 13cm (± 5 %)
81	Lọ cầm panh	Cái	60	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương Lọ cầm panh, kích thước: Ø5 x 14cm ± 5 %
82	Máy hút dịch hai bình	Cái	5	Dung tích ≥2 lít/bình Công suất ≥ 20 lít/phút Độ ồn ≤ 60db(A) Áp lực hút ≥ 80kPa
83	Máy khí dung	Cái	3	Tốc độ đầu ra khí dung: ≥ 0,1 ml/ phút. Tốc độ xông hiệu quả: ≥0,3 ml/ phút. Đầu ra khí dung: ≥ 0.5 ml. Dung tích cốc thuốc: ≥ 10ml. Nguồn điện: 220-240V.
84	Nhiệt kế tử bảo quản	Cái	4	Phạm vi nhiệt độ đo: -40 -85 °C Độ chính xác:± 0.5 °C Thang đo độ ẩm: 10% ~ 99% Độ chính xác: ± 3% RH Màn hình LCD lớn hiển thị sắc nét Có cảnh báo vượt ngưỡng
85	Nĩa có máu 10cm	Cái	10	Chất liệu: Thép không gỉ, được sử dụng trong y khoa, có máu, kích thước: 10cm (± 5 %)
86	Nĩa không máu 10cm	Cái	10	Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, không máu, kích thước: 10cm (± 5 %)
87	Optic 30 độ 3mm	Cái	2	Optic nội soi TMMH ống cứng, 30 độ 3mm, dài 175mm
88	Optic 30 độ 4mm	Cái	2	Optic nội soi TMMH ống cứng, 30 độ 4mm, dài 175mm
89	Optic 45 độ 4mm	Cái	2	Optic nội soi TMMH ống cứng, 45 độ 4mm, dài 175mm
90	Optic gập góc phẫu thuật thanh quản 12 độ 4mm	Cái	2	Optic gập góc phẫu thuật thanh quản, 12 độ 3mm, dài 175mm
91	Optic nội soi TMMH ống cứng, 0 độ 3mm	Cái	5	Optic nội soi TMMH ống cứng, 0 độ 3mm, dài 175mm
92	Optic nội soi TMMH ống cứng, 0 độ 4mm	Cái	3	Optic nội soi TMMH ống cứng, 0 độ 4mm, dài 175mm

93	Optic nội soi TMM ống cứng, 70 độ 4mm	Cái	5	Optic nội soi TMM ống cứng, 70 độ 4mm, dài 175mm
94	Optic nội soi TMM ống cứng, 70 độ 6mm	Cái	5	Optic nội soi TMM ống cứng, 70 độ 6mm, dài 184mm
95	Dây dẫn sáng máy nội soi TMM	Cái	5	Dây học silicone mềm mài, Độ truyền tải ánh sáng tốt, Có thể uốn cong linh hoạt. Độ dài: 2-3 m Đường kính: 4-5 mm
96	Pank có máu trắng 12 cm	Cái	40	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, có máu, dài 12 cm ($\pm 5\%$)
97	Pank có máu trắng 14 cm	Cái	35	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, có máu, dài 14 cm ($\pm 5\%$)
98	Pank có máu trắng 18cm	Cái	20	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, có máu, dài 18 cm ($\pm 5\%$)
99	Pank cong không máu 10cm	Cái	157	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, cong, không máu, dài 10 cm ($\pm 5\%$)
100	Pank cong không máu 12cm	Cái	25	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, cong, không máu, dài 12 cm ($\pm 5\%$)
101	Pank không máu thẳng 12 cm	Cái	37	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, không máu, dài 12 cm ($\pm 5\%$)
102	Pank không máu thẳng 16cm	Cái	110	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, không máu, dài 16 cm ($\pm 5\%$)
103	Pank không máu thẳng 18 cm	Cái	98	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, không máu, dài 18 cm ($\pm 5\%$)
104	Pank không máu thẳng 20 cm	Cái	15	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, được sử dụng trong y khoa, thẳng, không máu, dài 20 cm ($\pm 5\%$)
105	Phin lọc dùng cho máy hút dịch	Cái	50	Model: Victoria Thorax. Hãng CHEIRON-CH Séc. SX:2020. V15890 Chức năng: Lọc khuẩn, chống thấm nước, bảo vệ máy hút dịch Victoria Thorax. Hiệu suất lọc: $\geq 99,99\%$. Độ chính xác lọc: 0.3-0.5 micromet Chất liệu: Nhựa PP, màng lọc Hydrophobic. Kích thước kết nối: Phù hợp với ống dây hút chuẩn
106	Pin máy điện tim	Cái	2	Pin thay cho máy điện tim 6 cân Model: Electrocardiograph ECG-1250K Hãng: Nihon Kohden Corporation
107	Pipet cổ định thể tích 1000 μ l	Cái	1	Có thể hấp tiệt trùng hoàn toàn bằng hơi nước ở ≥ 120 độ C trong 15 phút, Pipette đơn kênh cổ định thể tích 1000 μ l Sai số hệ thống: $\leq 0.3\%$ Sai số ngẫu nhiên: $\leq 0.2\%$

108	Pipet có định thể tích 500 µl	Cái	1	Có thể hấp tiệt trùng hoàn toàn bằng hơi nước ở ≥ 120 độ C trong 15 phút, Pipette đơn kênh có định thể tích 500 µl Sai số hệ thống: $\leq 0.3\%$ Sai số ngẫu nhiên: $\leq 0.2\%$
109	Sợi truyền quang	Cái	6	Đường kính: 550µm; dài 3m Chất liệu SiO ₂ Thạch anh hoặc tương đương
110	Tấm lót thu hồi điện cực	Cái	12	Thảm điện cực có 2 đầu dây điện để có thể kết nối với hai dao mổ điện; Kích thước $\geq 90\text{cm} \times 50\text{cm}$; dày $\geq 0,3\text{cm}$; dùng được cho bệnh nhân từ 350gram, không giới hạn cân nặng. Hai cấp kết nối dài $\geq 4\text{m}$, thảm điện cực không cản quang và không chứa Latex. Tuổi thọ ≥ 2 năm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA.
111	Thớt Inox 25 x 15 cm	Cái	10	Sử dụng mẫu bệnh phẩm Chất liệu: Inox 304 chống gỉ hoặc tương đương Độ dày: 1,5mm Kích thước: Dài 25 x Rộng 15cm ($\pm 5\%$) Các cạnh được mài nhẵn, mịn không gây xước tay khi sử dụng Có thể hấp, sấy khử khuẩn
112	Thùng nhựa 30L	Chiếc	5	Kích thước: 57 x 38 x 21 cm ($\pm 5\%$) Chất liệu nhựa PP hoặc tương đương. - Thùng có 2 quai cố định, chắc chắn. Thiết kế vị trí tay cầm giúp di chuyển thuận lợi trong quá trình vận chuyển - Khóa an toàn - Có khả năng xếp chồng nhiều tầng
113	Tủ đầu giường nhựa	Cái	100	Chất liệu: Nhựa ABS dùng trong y tế hoặc tương đương Kích thước: (Dài x Rộng x Cao): 470mm x 460mm x 780mm $\pm 5\%$ Kết cấu tủ: Bàn ăn: 01 cái Ngăn kéo: 01 cái, kiểu rút Hộc tủ: Kiểu cánh cửa mở, bên trong có 1 đợt bằng nhựa chia tủ làm 2 khoang sử dụng Hai bên thành tủ có 2 móc treo bằng inox, có chức năng để treo khăn mặt cho bệnh nhân, có thể gập lại khi không sử dụng

				<p>Tất cả các kích thước có sai số $\pm 5\%$</p> <p>Kích thước : Dài 800 x Rộng 400 x Cao 1600 (mm)</p> <p>Gồm 2 khoang:</p> <p>Khoang trên cao 900mm có 2 cánh lắp kính màu trắng dày 5mm, có khoá, có chốt chắc chắn.</p> <p>Khoang dưới cao 600mm có 2 cánh bằng inox, có chốt và khoá chắc chắn; có 1 sàn phẳng bằng Inox.</p> <p>Khung tủ làm bằng inox hộp 25x25x1mm.</p> <p>Khung cánh tủ làm bằng inox hộp 20x20x1mm.</p> <p>Có 2 đợt tủ bằng Inox sản nghiệp; mỗi đợt chia ô để đựng thuốc; ô đựng thuốc có thành cao 4cm tránh rơi thuốc.</p>
114	Tủ thuốc	Cái	1	
115	Giá đựng lam kính đứng	Cái	220	<p>Chất liệu inox hoặc tương đương</p> <p>Giá inox đứng</p> <p>Kích thước:</p> <p>Chiều dài: 22cm $\pm 5\%$</p> <p>Chiều rộng: 4cm $\pm 5\%$</p>
116	Giá đựng lam kính nằm	Cái	100	<p>Chất liệu inox hoặc tương đương</p> <p>Giá inox ngang</p> <p>Kích thước:</p> <p>Chiều dài: 33cm $\pm 5\%$</p> <p>Chiều rộng: 18cm $\pm 5\%$</p>
117	USB chuyển đổi chụp hình (USB TV Stick)	Cái	2	<p>Thiết bị ghi hình, được thiết kế để chuyển đổi tín hiệu AV (RCA) từ máy siêu âm, máy nội soi, và các thiết bị khác sang máy tính</p> <p>Chất liệu: Nhựa bền hoặc tương đương</p> <p>Có chức năng dò kênh tự động</p> <p>Capture hình ảnh chất lượng cao, độ phân giải tối đa có thể đạt được: 576p</p> <p>Bao gồm: Cáp AV, điều khiển, anten, USB TV Stick</p>
118	Bàn đạp chụp hình cho hệ thống nội soi tiêu hóa	Cái	3	<p>Chất liệu: vỏ kim loại chắc chắn hoặc tương đương. Độ dài dây cáp USB: $\geq 2m$</p> <p>Dùng chân đạp để chụp hình ảnh của máy siêu âm nội soi y tế, lưu trữ hình ảnh, Video vào máy tính PC, Laptop,...</p> <p>Kết nối được với cổng USB 2.0 của máy tính, hỗ trợ hệ điều hành windows, MacOS.</p> <p>Tương thích sử dụng kèm các phần mềm nội soi y tế và USB TV Stick,...</p>
119	Bình nước phụ máy nội soi Olympus 170	Cái	2	Bình nước dùng cho hệ thống nội soi tiêu hoá
120	Chổi rửa dụng cụ nội soi	Cái	50	<p>Chổi rửa dụng cụ nội soi tiêu hoá. Phù hợp với ống soi có đường kính kênh 2.0-4.2mm. Tương thích cho tất cả các ống nội soi dạ dày, đại tràng của Olympus: OES 20, 30, 40, E-Line, EVIS 100, 130, 140, 145, 160, 165, 180, 190, 200, 230, 240, 260, V-Class.</p> <p>Các ống soi siêu âm ngoại trừ: MH-908, BF-UM40, -UC160F</p>

121	Rọ lấy dị vật dạ dày	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> - Vợt lấy dị vật dạng lưới, xoay tiêu chuẩn và xoay đồng bộ - Đường kính ống ngoài 2.5 mm, chiều dài làm việc 2300 mm; - Kích thước tiêu chuẩn: 20*50 mm, 25*55 mm, 30*60mm, 40*75mm, 40*65mm; - Phù hợp với kênh sinh thiết ≥ 2.8 mm - Chứng chỉ ISO 13485, CE, FDA
122	Bộ van nội soi dạ dày, đại tràng	Bộ	5	<p>Gồm van khí nước và van hút, sử dụng tương thích với hệ thống nội soi dạ dày, đại tràng Olympus</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàm cá sấu, răng chụm, hoặc răng chụm và răng cá sấu kết hợp - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài catheter: 160/180/230cm, - Đường kính catheter: 2.3mm - Độ mở hàm của kẹp gấp dị vật là 7,8 mm \pm 1,5 mm - Phù hợp với kênh sinh thiết ≥ 2.8mm - Chứng chỉ ISO 13485, CE, FDA
123	Kim gấp dị vật dùng nhiều lần	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu gắn ống soi chuyên dùng dùng trong phương pháp cắt hót dưới niêm mạc qua nội soi ESD, đường kính ngoài: 11.4mm, có lỗ bên, chất liệu mềm, chiều dài từ đầu cuối ống soi: 4mm.
124	Đầu chụp Overtube dây nội soi dạ dày Fits scopes 11,8	Cái	3	<ul style="list-style-type: none"> - Nắp chụp bảo vệ dây soi, đường kính ngoài từ 15mm, có lỗ bên, chất liệu mềm. chiều dài từ đầu cuối ống soi: 4mm.
125	Đầu chụp Overtube dây nội soi đại tràng Fits scopes 12,6	Cái	5	<p>Vị trí đo: đo trần</p> <p>Hiện thị LCD: Hiện thị giá trị 3 số ví dụ 35,5°C (Được hiểu là hiện thị 4 ký tự) và các biểu tượng đặc biệt. Có hiện thị màu theo nhiệt độ đo (Bình thường, sốt, sốt cao) chính là báo sốt trên màn hình.</p> <p>Độ chính xác: $\pm 0.2^{\circ}\text{C}$ (giá trị từ 35,0 độ C đến 42,0 độ C)</p>
126	Nhiệt kế điện tử (nhiệt kế hồng ngoại)	Cái	3	
	Dụng cụ dùng trong nha khoa			
127	Bộ file máy điều trị tùy jizai	Bộ	2	<p>Bộ gồm 3 cây</p> <p>Tốc độ quay: 300-500 vòng/phút</p> <p>Chiều dài: 21mm và 25mm</p>

				<p>Cấu hình cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân đèn chính: 01 cái - Bộ sạc pin: 01 bộ - Giá đỡ: 01 cái - Tấm chống ánh sáng đèn bảo vệ mắt: 01 cái - Bao bảo vệ đèn: 50 cái <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính đầu đèn: 9.6 mm - Dải bước sóng: 385-515 nm - Cường độ ánh sáng: + Cường độ tiêu chuẩn: 1000 nW/cm² + Cường độ cao: 1400 nW/cm² + Cường độ siêu cao: 3200 nW/cm² - Pin sạc: LiFePO₄ RCR 123A - Sạc pin thông minh: 3.6 VDC LiFePO₄ - Chức năng: Trùng hợp các vật liệu trám răng, các vật liệu gắn trên răng được trùng hợp bằng quang trùng hợp.
128	Đèn quang trùng hợp	Bộ	1	
129	Gắp nha khoa	Cái	60	<p>Chất liệu thép không gỉ. Gắp bê mặt nhẵn, Kẹp gắp dùng trong điều trị nha khoa, dài 14-16 cm. Hấp được ở nhiệt độ 134°C</p>
130	Hộp đựng file điều trị tẩy inox	Cái	1	<p>Chất liệu: Khay nhôm, hộp làm bằng Inox không gỉ Kích thước: D100 x R45x C50 mm ± 5 % Có 72 Lỗ. Hấp được ở nhiệt độ cao</p>
131	Hộp đựng mũi khoan inox	Cái	1	<p>Chất liệu: inox Trọng lượng: trung bình 200g Được được tối đa 61 mũi khoan Hộp inox y tế tròn, nắp rời Màu xanh đặc trưng, dễ nhận biết Hộp inox tròn nắp rời được làm từ hợp chất crom và niken đây giúp chống ăn mòn cực tốt, trong trường hợp có sử dụng đựng các dụng dịch hóa chất có thể đảm bảo dụng dịch đó không tác dụng với hộp gây nên phản ứng hóa học.</p>
132	Mũi khoan cắt xương	Cái	11	<p>Mũi khoan cắt xương dùng trong nha khoa Chất liệu: Tungsten Carbide hoặc tương đương Đường kính: 1,5 mm, hình trụ thụt, đầu nhọn, dùng cho tay khoan nhanh, đầu kết nối FGXL 1,6 mm.</p>
133	Mũi khoan đá mịn	Cái	44	<p>Dụng cụ Mũi khoan đá mịn hoàn tất dùng trong nha khoa Chất liệu: Đá abrasives hoặc tương đương Mũi khoan đánh bóng composite hình búp lư hoặc đầu nhọn hoặc đầu tròn dùng cho tay khoan nhanh, đường kính 2,5 - 3 mm.</p>

134	Mũi khoan kim cương mịn	Cái	66	Dùng cụ Mũi khoan kim cương mịn dùng trong nha khoa Chất liệu: Đá abrasives hoặc tương đương Mũi khoan kim cương, hình thông, đầu nhọn, siêu mịn, đường kính 1,4mm, dùng cho tay khoan nhanh, đầu kết nối FG đường kính 1,6mm
135	Mũi khoan kim cương ngọn lửa	Cái	66	Mũi khoan kim cương ngọn lửa. Mũi khoan kim cương phủ kim loại, đầu dạng bóng bầu nhọn Vật liệu mài: Hạt kim cương mịn, liên kết kim loại mạ Cán: FG đường kính Ø1.6 mm Chiều dài đầu (mm): 3,5-5,0 Đường kính : 1,6 - 1,8 mm
136	Mũi khoan kim cương quả trám	Cái	22	Mũi khoan kim cương quả trám Mũi khoan kim cương phủ kim loại, đầu dạng bóng bầu nhọn Vật liệu mài: Hạt kim cương mịn, liên kết kim loại mạ Cán: FG đường kính Ø1.6 mm Chiều dài đầu (mm): 3-5 Đường kính : 1,8 - 2,3 mm
137	Mũi khoan kim cương tròn nhỏ	Cái	44	Dùng cụ Mũi khoan kim cương tròn nhỏ dùng trong nha khoa Mũi khoan kim cương đầu tròn có nhiều đường kính 1,4 mm. Mũi khoan có các loại hạt kim cương với độ thô khác nhau.
138	Mũi khoan kim cương tròn to	Cái	44	Dùng cụ Mũi khoan kim cương tròn to dùng trong nha khoa Mũi khoan kim cương đầu tròn có nhiều đường kính 1,6 mm. Mũi khoan có các loại hạt kim cương với độ thô khác nhau.
139	Mũi khoan kim cương trụ đầu tròn	Cái	66	Dùng cụ Mũi khoan kim cương trụ đầu tròn dùng trong nha khoa Mũi khoan có các loại hạt kim cương với độ thô khác nhau Mũi khoan kim cương hình búp măng, mũi thuôn đầu tròn viên đó đường kính 1.2 - 2.1 mm
140	Mũi khoan kim cương trụ ngắn	Cái	44	Dùng cụ Mũi khoan kim cương trụ ngắn dùng trong nha khoa Mũi khoan có các loại hạt kim cương với độ thô khác nhau Mũi khoan kim cương dùng cho tay khoan nhanh, đầu hình trụ. Đường kính: 0,9 - 1,2 mm. Độ mịn: M - chuẩn/trung bình; SC - thô nhiều; C - thô t; F - mịn ít.
141	Mũi nong tủy	Cái	66	Mũi nong tủy dùng trong nha khoa Chiều dài: 21 mm, đường kính: 0,15 - 0,4 mm.

142	Protaper tay file đeo	Hộp	4	<p>Hộp gồm 6 cây. Bao gồm các loại: SX (Slider), Shaper, Finisher F1-F3, kèm two auxiliary finishers (FX, FXL) dành cho ống ngà dài thẳng hoặc rộng</p> <p>Chất liệu: hợp kim niken-titanium, xử lý nhiệt riêng biệt → tăng độ mềm dẻo, khả năng chống gãy xoay, chịu uốn môi chu kỳ cao .</p> <p>Tay cầm: bằng silicone</p>
143	Bộ bơm thông lệ đào Mỗi bộ gồm 11 mục/ 11 chi tiết	Bộ	2	<p>I. Bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kim bơm lệ đào thẳng: 1 cái 2. Kim bơm lệ đào cong: 1 cái 3. Kim bơm lệ đào trẻ em: 1 cái 4. Que thông lệ đào Bowman cỡ 0000 và 000: 1 cái 5. Que thông lệ đào Bowman cỡ 00 và 0: 1 cái 6. Que thông lệ đào Bowman cỡ 1 và 2: 1 cái 7. Que nong lệ Castroviejo: 1 cái 8. Que nong lệ Wilder Đầu nhỏ: 1 cái 9. Que nong lệ Wilder Đầu vừa: 1 cái 10. Que nong lệ trẻ Wilder: 1 cái 11. Hộp đựng dụng cụ: 1 cái <p>II. Thông số kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kim bơm lệ đào thẳng: Chất liệu Thép không gỉ, cỡ 23G, dài 45-50mm. 2. Kim bơm lệ đào cong: Chất liệu Thép không gỉ, cỡ 23G, dài 45-50mm. 3. Kim bơm lệ đào trẻ em: Chất liệu Thép không gỉ, cỡ 23G, đầu dài 7mm, Tổng chiều dài 30-35mm. 4. Que thông lệ đào Bowman cỡ 0000 và 000: Chất liệu Bạc, 2 đầu, cỡ 0000 và 000, Chiều dài 150-160mm. 5. Que thông lệ đào Bowman cỡ 00 và 0: Chất liệu Bạc, 2 đầu, cỡ 00 và 0, Chiều dài 150-160mm. 6. Que thông lệ đào Bowman cỡ 1 và 2: Chất liệu Bạc, 2 đầu, cỡ 1 và 2, Chiều dài 150-160mm. 7. Que nong lệ Castroviejo: Chất liệu Thép không gỉ, Hai đầu, một đầu nhỏ, một đầu vừa, Tổng chiều dài 135-140 mm. 8. Que nong lệ Wilder Đầu nhỏ: Chất liệu Thép không gỉ, Đầu nhỏ, dài 100-105 mm. 9. Que nong lệ Wilder Đầu vừa: Chất liệu Thép không gỉ, Đầu vừa, dài 100-105mm. 10. Que nong lệ trẻ Wilder: Chất liệu Thép không gỉ, Đầu to, dài 95-100 mm. 11. Hộp đựng dụng cụ: Chất liệu Nhựa, Có lớp lót silicone, Kích thước 152 x 254 x 19mm ±5%.

144	Bộ chích chấp leo (thanh kẹp nhiều cỡ khác nhau) Mỗi bộ gồm 11 mục/ 11 chi tiết	Bộ	2	<p>I. Bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thanh đà mí Jaeger: 1 cái 2. Thìa nạo chấp Mayerhoefer số 1: 1 cái 3. Thìa nạo chấp Mayerhoefer số 2: 1 cái 4. Thìa nạo chấp Mayerhoefer số 3: 1 cái 5. Kẹp chấp Lambert: 1 cái 6. Kẹp chấp Francis: 1 cái 7. Kẹp chấp Desmarres: 1 cái 8. Kéo cong: 1 cái 9. Kim kẹp kim Castroviejo: 1 cái 10. Panh Castroviejo: 1 cái 11. Khay đựng dụng cụ: 1 cái <p>II. Thông số kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thanh đà mí Jaeger: Chất liệu Thép không gỉ, Chiều dài 105-110 mm. 2. Thìa nạo chấp Mayerhoefer số 1: Chất liệu Thép không gỉ, Cỡ 1.5mm, chiều dài 130-135 mm. 3. Thìa nạo chấp Mayerhoefer số 2: Chất liệu Thép không gỉ, Cỡ 2.25mm, chiều dài 130-135 mm. 4. Thìa nạo chấp Mayerhoefer số 3: Chất liệu Thép không gỉ, Cỡ 2.5mm, chiều dài 130-135 mm. 5. Kẹp chấp Lambert: Chất liệu Thép không gỉ, Má kẹp 8 mm, Chiều dài 90-95 mm. 6. Kẹp chấp Francis: Chất liệu Thép không gỉ, Má kẹp 12 x 14 mm, Chiều dài 95-100 mm. 7. Kẹp chấp Desmarres: Chất liệu Thép không gỉ, Má kẹp 12x20 mm, Chiều dài 90-95 mm. 8. Kéo cong: Chất liệu Thép không gỉ, Lưỡi cong, vòng khuyên to; Chiều dài 110-120 mm. 9. Kim kẹp kim Castroviejo: Chất liệu Thép không gỉ, Hàn công, khong khóa, Chiều dài 135-140 mm. 10. Panh Castroviejo: Chất liệu Thép không gỉ, Mấu 0,3 mm, Chiều dài 100-110 mm. 11. Khay đựng dụng cụ: Chất liệu Nhựa, Bao gồm tấm lót silicon, Kích thước 152 x 254 x 19mm ±5%.
145	Cặp thìa lấy dấu inox nha khoa U2L2	Cặp	5	Thìa làm bằng chất liệu thép không gỉ. Dùng để định hình khuôn răng giả ban đầu (Bộ gồm 2 cái)
146	Cặp thìa lấy dấu inox nha khoa U3L3	Cặp	5	Thìa làm bằng chất liệu thép không gỉ. Dùng để định hình khuôn răng giả ban đầu (Bộ gồm 2 cái)
147	Bộ thìa lấy dấu tháo lắp	Bộ	2	Chất liệu nhựa cao cấp hoặc tương đương có thể hấp tiệt trùng. Một bộ gồm 17 chi tiết kèm hộp đựng (dành cho hàm trên và hàm dưới với các kích cỡ khác nhau)
	Bộ dụng cụ làm thủ thuật Tai mũi họng			
148	Pince lấy dị vật tai	Cái	90	<p>Chất liệu: Inox không gỉ</p> <p>Kích thước: 8 - 9 cm</p> <p>Loại: đầu gấp nhỏ, kẹp hướng trên</p>

149	Ống hút tai có giảm áp	Cái	80	Có lỗ giảm áp Loại thẳng và cong Cỡ to 2 mm
150	Móc lấy dị vật tai	Cái	160	Dài 8 - 10 cm. Làm bằng thép không gỉ
151	Kim sinh thiết	Cái	45	Kim sinh thiết u vòm, u hốc mũi, u họng miệng 0 độ (through cutting forceps) đầu cắt < 4mm. Dài 18 - 24 cm.
152	Tăm bông vệ sinh tai	Cái	160	Tăm bông 1 đầu, đường kính: 5 mm, chiều dài 14-15 cm (Gói/5 que)
153	Curet lấy ráy tai (2 đầu)	Cái	30	Chất liệu: thép không gỉ Kích thước: 14 - 15 cm
154	Pince lấy dị vật hạ họng	Cái	3	Bộ gồm 4 cây: Đầu Trên, Đầu Dưới, Đầu Trái, Đầu Phải.
155	Kẹp Khuyết	Cái	110	Chất liệu: thép không gỉ Loại chữ V Kích thước: 16 - 18 cm

AmL



PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 939 /BVNTTW ngày 23 tháng 06 năm 2026)

MẪU BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết Trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nội tiết Trung ương, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các.... hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa/dịch vụ

STT	Danh mục hàng hóa ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾ (Nếu có)	Mã HS ⁽⁴⁾ (Nếu có)	Năm sản xuất ⁽⁵⁾ (Nếu có)	Hạn sử dụng từ ngày sản xuất (Tháng)	Xuất xứ ⁽⁶⁾ (Nếu có)	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Thông số kỹ thuật ⁽⁸⁾	Đơn giá ⁽⁹⁾ (VND) Đã bao gồm VAT	Thành tiền ⁽¹⁰⁾ (VND)
1												
2												
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của danh mục báo giá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các danh mục nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹¹⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục hàng hóa” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa (nếu có) tương ứng với chủng loại hàng hóa ghi tại cột “Danh mục hàng hóa”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng hàng hóa (nếu có).
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của hàng hóa (nếu có).
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hàng hóa.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.